

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/10/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	19	0		17	0	
2		RP2+VSP02+VSP01	7:25	17+5+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	CHUYEN 2 VSP02-VSP01
3		CLO+TD1	7:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
4		P4+P5	7:25	2+15	0+0+0		0+0+20	0+0+0	BO DIEM BK6
5		CLO+BK8+RP2	7:25	17+0+5	0+0+0		14+1+7	0+0+0	
6		RC6+RP1+TD3	9:25	4+9+8	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
7		BK14+RP3	9:25	3+19	0+0		0+20	0+0	
8		RC3+RP2	9:25	9+12	0+0		8+12	0+0	
9		TD2	11:00	19	0		15	0	CHECKIN 9:45

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2	CREW: HLONG - TRƯỜNG	ETA: 10:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	21	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM MINH TUẤN	TD2	33	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	MAK SIMOV	TD2	35	1	11		119	KH-THAC	Russian
4	LÊ ĐỨC THỌ	TD2	19	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGO QUANG HUNG	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
6	VÕ SĨ HOAI THANH	TD2	24	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
7	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	18	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
8	LÝ ANH TUẤN	TD2	23	1	8		87	KHOAN	Vietnamese
9	BUI TRUNG THO	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TUYẾN	TD2	20	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	22	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	31	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	28-29	2	8		78	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TRƯỜNG LÂM	TD2	37	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	ANDRIUSHENKO O.A	TD2	27	1	4		123	KHOAN	Russian
16	TRỊNH CÔNG SƠN	TD2	32	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN VIỆT	TD2	26	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ THANH THAI	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THUẬN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	16	88	1.511	0	17		
	TOTAL	19	16	88	1.511	0	17		
	WEIGHT KG			88	1.511	0			

GRAND TOAL: 1.599 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Fuel: 2200 kgs < Check >

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2020	TO: RP2 - VSP02 - VSP01	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Vậ - Linh - HIẾU	ETA: 09:10
xanh-1			

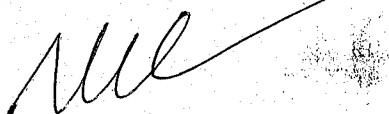
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC KHANG	RP2	11	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
2	TAPACEHKO A.A	RP2	700	1	5		75	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	04-05	2	6		84	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	09	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VĂN LIÊM	RP2	10	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	20-21	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
7	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	01-02	2	15		74	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					80	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN TÂN TÀI	RP2	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ LAM	RP2	19	1	4	100	70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG VINH	RP2	03	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN SAU	RP2	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ ĐỨC OANH	RP2					65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ CHI CÔNG	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGỌC LAN	RP2	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN BA THANH	VSP02	30	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MINH	VSP02	31	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN THANH	VSP02	28-29	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ ĐỨC THỌ	VSP02	32	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐÀO QUỐC OAI	VSP02	26-27	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	17	17	87	1.217	100	17		CHUYỂN 02 PAX TỪ VSP02 SANG VSP01
2	VSP02	5	7	59	332	0	0 + 2		
3	VSP01	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	146	1.549	100	17		
WEIGHT KG				146	1.549	100			

GRAND TOAL: 1.795 KGS

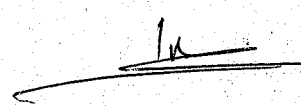
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: CLO - TD1	CREW: HUNG - Khang - Huy	ETA: 09:15
CAM-1			

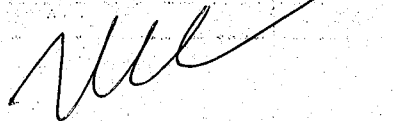
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MANH CUONG	CLO					85	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN VAN KHANG	CLO	31	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
3	VU HAI LONG	CLO	32	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
4	BRATCHIKOV	TD1	800	1	11	65	93	KHOAN	Russian
5	NGUYEN DINH NAM*TT	TD1	61	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
6	BUI VAN LUAN	TD1	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN MANH HUNG	TD1	65	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HUY QUANG	TD1	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM VAN MINH	TD1	59	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN MANH TIET	TD1	63	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN QUANG THUC	TD1	67	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN THANH TUAT	TD1	96-97	2	15		53	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THIEN TUAN	TD1	99	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
14	VU QUY VINH	TD1	66	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
15	NINH DUC THUAT	TD1	60	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
16	NG. QUOC TUAN*CAM-PVDT	TD1	68	1	8		50	KHOAN	Vietnamese
17	VU TU NAM	TD1	92-93	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
18	DO QUANG LUC	TD1	69	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
19	NIKITIN	TD1	98	1	6		91	ANTOAN	Russian
20	TRAN QUOC HUONG	TD1	94	1	18		96	DVL	Vietnamese
21	LUONG MANH HAI	TD1	64	1	19		71	DVL	Vietnamese
22	VU HAI THANG	TD1	74	1	14		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

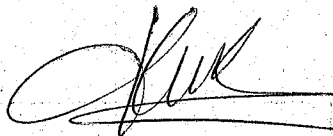
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	3	2	12	233	0	2		
2	TD1	19	21	163	1.360	65	20		
TOTAL		22	23	175	1.593	65	22		
WEIGHT KG				175	1.593	65			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

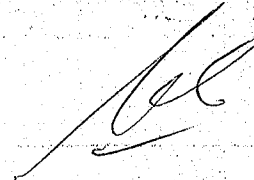
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: P4 - P5	CREW: Hạnh - NPhú - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P4	41	1	12		80	KH-THAC	Vietnames
2	PHẠM NGOC QUY	P4	40	1	10		77	KH-THAC	Vietnames
3	NGUYỄN BA LƯỢNG	P5	46	1	3		65	KHOAN	Vietnames
4	BUI NGOC LAM	P5	52	1	10		71	KHOAN	Vietnames
5	NGUYỄN HUY HUNG	P5	49	1	10		66	KHOAN	Vietnames
6	VU VAN DOANH	P5					70	KHOAN	Vietnames
7	ĐỖ VĂN PHAN	P5	50	1	5		78	KHOAN	Vietnames
8	TRẦN QUYẾT TIẾN	P5	48	1	5		84	KHOAN	Vietnames
9	HOANG ĐẠI NGHĨA-PVD	P5					78	KHOAN	Vietnames
10	NGUYỄN QUANG HAO	P5	53-54	2	12	45	93	KHOAN	Vietnames
11	NGUYỄN VĂN CHÂN	P5	43	1	4		53	KHOAN	Vietnames
12	TRẦN QUỐC TUÂN	P5	47	1	5		68	KHOAN	Vietnames
13	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P5	42	1	10		82	KHOAN	Vietnames
14	LÊ XUÂN TUYẾN	P5					65	KHOAN	Vietnames
15	NGUYỄN VĂN NGÂN	P5	45	1	5		68	KHOAN	Vietnames
16	NGÔ VĂN ĐÔNG	P5	44	1	7		85	TTYT	Vietnames
17	SUSTAVOV	P5	51	1	8		115	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	2	2	22	157	0	0		
2	P5	15	13	84	1.141	45	20		
TOTAL		17	15	106	1.298	45	20		
WEIGHT KG				106	1.298	45			

GRAND TOAL: 1.449 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2020	TO: CLO - BK8 - RP2	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - M.Đức - Sơn	ETA: 09:25
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN LẬP QUỐC	CLO	06	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM ĐỨC MINH	CLO	10	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG TRƯỜNG	CLO	17	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC AN	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
5	VU VĂN QUYNH	CLO	08	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN THẾ NHƯ	CLO	02	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG THANH MINH	CLO	04-05	2	9		63	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	11	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM MINH TRỌNG-PVDT	CLO	500	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM THẾ QUANG	CLO	07	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIỀN QUÝ	CLO	13	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
12	VU ĐỨC SANG	CLO	15	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI XUÂN TRƯỜNG	CLO	09	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN GIA CUÔNG	CLO	14	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU NAM	CLO	03	1	8		49	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG QUY	CLO	01	1	9	25	64	DVL	Vietnamese
17	ĐO HUY KHANH	CLO	12	1	10		80	PSV	Vietnamese
18	LÊ VIỆT TRƯỜNG	RP2	26	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	23	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VU HỮU QUÂN	RP2	22	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	25	1	12	20	67	KH-THAC	Vietnamese
22	VÔ HOANG CAM	RP2	27	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

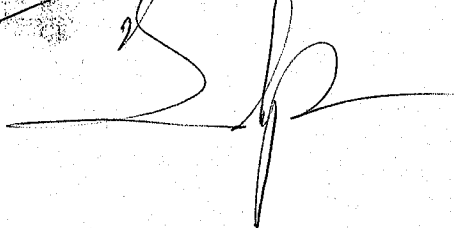
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	17	128	1.153	25	14		
2	BK8	0	0	0	0	0	1		
3	RP2	5	5	27	328	20	7		
TOTAL		22	22	155	1.481	45	22		
WEIGHT KG				155	1.481	45			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

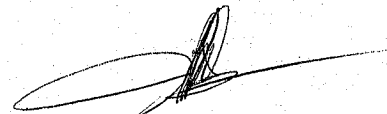
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2020	TO: RC6 - RP1 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Vận - Linh - HIẾU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TOÀN	RC6	47	1	16	37	55	XAYLAP	Vietnamese
2	LÀ TUẤN LINH	RC6	42-43	2	11		70	XAYLAP	Vietnamese
3	HÀ XUÂN THANH	RC6	44-45	2	15		73	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẦN NGỌC TUẤN ANH	RC6	46	1	11		74	XAYLAP	Vietnamese
5	VŨ ANH ĐỨC	RP1	04-05	2	12	15	60	DVL	Vietnamese
6	LÊ DUY HUYNH	RP1				40	72	DVL	Vietnamese
7	THAI ĐOÀN BÌNH (CTC)	RP1	11-12	2	17		75	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	07-08	2	12		82	PSV	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN THẠCH	RP1	03	1	5		72	PSV	Vietnamese
10	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TÔNG	RP1	10	1	7		65	PSV	Vietnamese
11	PHẠM THẾ THUẬN	RP1	02	1	5		72	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU NHÂN	RP1	09	1	6		72	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	01	1	5		63	PSV	Vietnamese
14	TRẦN NGHĨA DAN	RP1	06	1	10	10	55	NHATHAU	Vietnamese
15	KHALIMOV A.A	TD3	68-69	2	14		92	KH-THAC	Russian
16	TRẦN TRỌNG MẠNH	TD3	73	1	10		59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN THỨC	TD3	72	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI SỸ HIẾU	TD3	71	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐÀU HUY HOÀNG	TD3	75	1	4	7	68	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ QUANG ANH HÙNG	TD3	70	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯƠNG XUÂN THANH	TD3	74	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐÌNH HỒNG	TD3	89	1	7		57	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

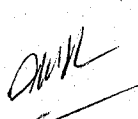
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	4	6	53	272	37	0		
2	RP1	10	12	79	688	65	13		
3	TD3	8	9	57	556	7	9		
TOTAL		22	27	189	1.516	109	22		
WEIGHT KG				189	1.516	109			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

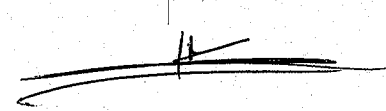
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 07	TO: BK14 - RP3	CREW: HUNG - Khang - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH ĐỨC	BK14	50	1	14	80	100	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIỆU	BK14	49	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG LINH	BK14	48	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NAM TRUNG	RP3	83-85	3	17		89	CODIEN	Vietnamese
5	ĐẶNG HUY KHÁNH	RP3					76	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VƯƠNG HÙNG	RP3					80	KHI	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG LINH	RP3	77-79	3	15		74	KHI	Vietnamese
8	PONOMARENKO	RP3	94	1	10		90	KHI	Russian
9	TRINH HOÀNG THÈM	RP3	93	1	5		67	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC HẠO	RP3	80-81	2	15		80	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM HUY HOÀNG	RP3	98	1	5	45	60	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	91	1	4		63	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN VỸ	RP3	88	1	3		67	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	92	1	3		75	PSV	Vietnamese
15	TRẦN THANH HẢI	RP3	86	1	3		60	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	87	1	2		57	PSV	Vietnamese
17	LÊ THANH HẢI	RP3	82	1	5	20	60	PSV	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC NINH	RP3	90	1	5		77	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN THỊ	RP3	04	1	4		62	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG THANH	RP3	95	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN THỊNH	RP3	96	1	2		50	PSV	Vietnamese
22	VÔ ĐỨC NGHĨA	RP3	89	1	9		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	3	3	37	257	80	0		
2	RP3	19	22	112	1.321	65	20		
TOTAL		22	25	149	1.578	145	20		
WEIGHT KG				149	1.578	145			

GRAND TOAL: 1.872 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	TO: RC3 - RP2	CREW: Hạnh - NPhú - Luy	ETA: 11:30
VANG-2			

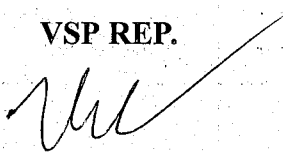
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU LÊ TRUNG	RC3	77	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN BA HIỆP	RC3	14	1	6		73	PV GAS	Vietnamese
3	LÊ BIÊN THUY	RC3	11	1	5	24	72	PV GAS	Vietnamese
4	VU VĂN NGHỊ	RC3	12-13	2	10	30	71	PV GAS	Vietnamese
5	DUONG MINH KHANH	RC3	75	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO KHANH NAM	RC3	74	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THE MANH	RC3					80	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGUYEN (CTC)	RC3	62,83	2	20		70	NIPI	Vietnamese
9	VU THANH TIEN	RC3	76	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
10	PHAM TRUNG KIEN	RP2	30	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LUONG NGOC THANH	RP2	37	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
12	VU QUANG TUYEN	RP2	35-36	2	15		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN ĐỨC HOANG HAI	RP2	29	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC CHAN	RP2	31	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	LUONG THE HIEN(CTC)	RP2	33-34	2	20		64	NIPI	Vietnamese
16	PHAM ANH TU	RP2	40	1	5		75	GETRACO	Vietnamese
17	ĐAO XUAN THO	RP2	39	1	10		70	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYEN BA DUNG	RP2	41	1	5		52	GETRACO	Vietnamese
19	HỒ VĂN THAO	RP2	38	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
20	PHẠM HỮU LAM	RP2	42	1	5		58	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYEN DOAN BINH	RP2	32	1	10		80	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	9	10	65	619	54	8		
2	RP2	12	14	100	862	0	12		
TOTAL		21	24	165	1.481	54	20		
WEIGHT KG				165	1.481	54			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

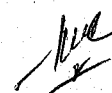
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/10/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 11:00
FLIGHT: 09	TO: TD2	CREW: Phuong - MMinh	ETA: 14:00
cam-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG TUYEN	TD2				20	64	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI TRONG SON	TD2	47	1	10	10	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN MINH TRI	TD2	51	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	KHONG THAI BINH	TD2	44	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM THANH TUNG	TD2					73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG HIEU	TD2	45	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
7	KLY	TD2	53	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
8	VU QUANG THONG	TD2					70	KH-THAC	Vietnamese
9	VU TIEN VINH	TD2	50	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
10	LE QUOC TIEN	TD2	54	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH NAM	TD2	46	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN HUY CONG	TD2	55	1	6		48	KH-THAC	Vietnamese
13	LE DUY DUC	TD2	59	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN GIANG	TD2	48	1	10	10	70	DVL	Vietnamese
15	VU NGOC TIEN	TD2	52	1	7		75	DVL	Vietnamese
16	VO THANH NHAT	TD2	56	1	8		80	GETRACO	Vietnamese
17	VU TUAN ANH	TD2	57	1	7		65	GETRACO	Vietnamese
18	TRAN TRONG ANH	TD2	43	1	5	47	74	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CHINH	TD2	42	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	16	97	1.323	87	15		
	TOTAL	19	16	97	1.323	87	15		
	WEIGHT KG			97	1.323	87			

GRAND TOAL: 1.507 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN